

Số: 636 /BVSNN-TCKT
V/v mời chào giá dịch vụ thẩm định giá
dự toán các gói thầu của Bệnh viện Sản
Nhi tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 11 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Căn cứ quyết định 906/QĐ-SYT ngày 27/6/2022 của Sở y tế về việc ban hành quy trình mua sắm tài sản, hàng hóa và sửa chữa cơ sở vật chất tại các đơn vị trực thuộc Sở y tế và văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và văn bản sửa đổi, bổ sung;

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu thuê dịch vụ thẩm định giá dự toán dịch vụ bảo vệ an ninh tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh, dự toán dịch vụ vệ sinh bệnh viện cho Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh, dự toán dịch vụ thu gom, xử lý chất thải y tế cho Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh (Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm). Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ nêu trên báo giá.

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 07/11/2023 đến trước 16 giờ 00 ngày 10/11/2023.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Từ 90 ngày trở lên kể từ ngày báo giá.

Các báo giá nhận được sau thời gian trên sẽ không được xem xét.

Địa điểm nhận báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

Điện thoại liên hệ: 09.3434.6788.

Địa chỉ email: bvsnn.syt@gmail.com

Bệnh viện xin trân trọng thông báo. /.

Nơi nhận:

- Nt;
- Lưu: VT, TCKT

GIÁM ĐỐC



Bùi Minh Cường



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo *Thư mời số 636/BVSN-TCKT ngày 05/11/2023 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh*)

I. Dịch vụ bảo vệ an ninh tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh

STT	Danh mục công việc	Thời gian thực hiện (Tháng)	Số lượng bảo vệ/tháng
1	Dịch vụ bảo vệ 24h/24h	12	30

Địa điểm thực hiện:

- Trụ sở chính: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phường Đại Yên – TP Hạ Long – Quảng Ninh.
- Cờ sở 2: Phòng Khám số 2 – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phường Bạch Đằng – TP Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh.

1. Yêu cầu đảm bảo chất lượng dịch vụ bảo vệ an ninh tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh

- Thực hiện cung cấp dịch vụ bảo vệ 24/24, tất cả các ngày.
- Bảo vệ toàn bộ tài sản nằm trong khu vực địa giới của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh và Phòng khám số 2 – BVSN.
- Cung cấp lực lượng bảo vệ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bệnh viện Sản Nhi
 - Thường xuyên đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên bảo vệ.
 - Thực hiện lập kế hoạch, phương án bảo vệ và tổ chức diễn tập các tình huống thường xuyên xảy ra tại bệnh viện
 - Thay thế nhân viên bảo vệ nếu không đáp ứng nhiệm vụ, nhân viên bảo vệ được tuyển dụng mới phải được kiểm tra và đồng ý của bệnh viện đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định.
 - Tất cả bảo vệ có nhiệm vụ: Lịch sự chào đón khách và hướng dẫn khách tận tình, chu đáo theo đúng nội quy, quy định của bệnh viện.
 - Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, giám sát người, phương tiện ra vào cổng bảo vệ (theo nội quy ra vào cổng, quy trình kiểm soát ra vào cổng, quy định chung của bệnh viện).
 - Tăng cường nhân viên trong những ngày tổ chức các sự kiện trọng đại và các tình huống đột xuất khi cần thiết.
 - Chủ động phát hiện kịp thời và xử lý trong khả năng cho phép các sự cố.
 - Tuần tra canh gác tại tất cả các khu vực khoa/phòng trong địa giới của bệnh viện 24/24h đảm bảo an ninh trật tự.
 - Bắt giữ và lập biên bản kịp thời khi bắt được các trường hợp phạm pháp quả tang theo quy định của pháp luật và của bệnh viện đối với tất cả các hành vi phá hoại, trộm cắp, lừa đảo, gian lận để chiếm đoạt tài sản bệnh viện hoặc gây rối làm mất trật tự trong khu vực địa giới bệnh viện.
 - Hướng dẫn, nhắc nhở bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, khách đến làm việc, các nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho bệnh viện, cán bộ nhân viên bệnh viện trong việc chấp hành các quy định, nội quy, quy trình của bệnh viện.
 - Giữ bí mật về các thông tin và hoạt động của bệnh viện.

- Bồi thường thiệt hại 100% nếu để mất mát, hư hỏng tài sản của Bệnh viện mà lỗi thuộc về nhân viên bảo vệ.

- Cung cấp thiết bị hỗ trợ thực hiện dịch vụ bảo vệ gồm: Đồng phục bảo vệ theo mẫu quy định của công ty bảo vệ, các biểu mẫu và sổ sách theo quy định của pháp luật, công cụ hỗ trợ khác gồm: Bộ đàm, dùi cui, còi, gậy (gỗ, cao su), áo mưa chuyên dụng, khẩu trang, gang tay theo quy định (nếu có dịch), máy chấm vân tay (chấm công).

- Phối hợp với bên dịch vụ trông xe của bệnh viện trong việc hướng dẫn các phương tiện di chuyển, dừng đỗ đúng nơi quy định.

- Phối hợp với dịch vụ dọn vệ sinh của bệnh viện trong việc tăng cường an ninh và giữ gìn vệ sinh bệnh viện luôn xanh sạch đẹp.

2. Phạm vi cung cấp dịch vụ dự kiến

Tổng số bảo vệ là 30 bảo vệ

2.1 Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh trụ sở chính

- 1 ngày: 03 ca; Các ca: 6h- 14h; 14h-22h; 22h-6h.

- 1 tháng duy trì tổng bảo vệ: 27 người

2.2 Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh - Phòng khám số 2

- 1 ngày: 03 ca; Các ca: 6h- 14h; 14h-22h; 22h-6h.

- 1 tháng duy trì tổng bảo vệ: 03 người

STT	Danh mục dịch vụ	Số lượng bảo vệ/ chốt/ca	Số ca/ngày	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Mô tả dịch vụ(*)	Ghi chú
I Trụ sở chính Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh							
1	Cổng chính ra vào và khu nhà điều hành + Bãi xe nhân viên phía trước	01 bảo vệ	3	3	Người	Kiểm soát ra vào và đảm bảo an ninh trật tự khu vực phía trước bệnh viện, đón chào khách và hướng dẫn khách đỗ xe đúng nơi quy định, phân luồng giao thông xe. Khi cần hỗ trợ đón tiếp tại Sảnh A	Chốt cố định
2	Sảnh đón tiếp (Sảnh A)	01 bảo vệ	3	3	Người	Kiểm soát ra vào tại sảnh A, đón chào khách, hướng dẫn và đón tiếp khách làm thủ tục, phân luồng bệnh nhân khám yêu cầu và BHYT, hỗ trợ nhân viên y tế khi có ca cấp cứu,	Chốt cố định
		01 bảo vệ (Ca 6h đến 14h)	1	1	Người	Kiểm soát ra vào tại sảnh A, đón chào khách, hướng dẫn và đón tiếp khách làm thủ tục, phân luồng bệnh nhân khám yêu cầu và BHYT, hỗ trợ nhân	

STT	Danh mục dịch vụ	Số lượng bảo vệ/ chốt/ca	Số ca/ngày	Khối lượng môi trường	Đơn vị tính	Mô tả dịch vụ(*)	Ghi chú
						viên y tế khi có ca cấp cứu,	
3	Nhà C (Nhi)	01 bảo vệ (C1)	3	3	Người	Kiểm soát ra vào tại Nhà C, đón chào khách, hướng dẫn bệnh nhân và người bệnh nhân theo quy định của bệnh viện	Chốt cố định
4	Nhà D (Sân-Phụ)	01 bảo vệ (D1)	3	3	Người	Kiểm soát ra vào tại Nhà D, đón chào khách, hướng dẫn bệnh nhân và người bệnh nhân theo quy định của bệnh viện	Chốt cố định
		01 bảo vệ D2-D7, C2-C6, I2-I6	2	2	Người	Kiểm soát ra vào tại Nhà D, đón chào khách, hướng dẫn bệnh nhân và người bệnh nhân, đi tuần tra nhắc nhở bệnh nhân và người nhà bệnh nhân thực hiện theo quy định của bệnh viện, hỗ trợ xử lý cùng cán bộ nhân viên y tế các tình huống xảy ra .	Đi tuần, kiểm tra nhắc nhở người bệnh, người nhà thực hiện theo quy định (02 Ca từ 6h - 22h)
5	Nhà B	01 bảo vệ (B1+B2)	2	2	Người	Kiểm soát ra vào tại Nhà B, đón chào khách, hướng dẫn bệnh nhân và người bệnh nhân theo quy định của bệnh viện	Nhà 3 tầng (Chốt cố định)
6	Cổng sau ra vào, khu vực phía sau bệnh viện	01 bảo vệ	3	3	Người	Kiểm soát ra vào cổng sau, khu vực khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Phòng Vật tư trang thiết bị, Nhà Đại thể, bãi đỗ xe của cán bộ nhân viên	Chốt cố định
7	Các khu vực khác (Nhà V, nhà F+ kiểm soát vòng ngoài)	01	3	3	Người	Kiểm soát khu vực cách ly, nhà công vụ, hỗ trợ tiêm chủng, tại nhà F và kiểm soát vòng ngoài	
8	Kiểm soát	01 bảo vệ	3	3	Người	Kiểm soát toàn bộ	

STT	Danh mục dịch vụ	Số lượng bảo vệ/ chốt/ca	Số ca/ngày	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Mô tả dịch vụ(*)	Ghi chú
	chung theo ca và đi kiểm soát tuần tra các khoa phòng khu nội trú					bệnh viện theo ca được phân công về tất cả công tác an ninh	
	Cộng			26	Người		
9	Cán bộ quản lý chung			1	Người	Kiểm soát về công tác an ninh toàn bộ bệnh viện	
	Tổng số bảo vệ tại trụ sở của bệnh viện			27	Người		
II	Phòng khám số 2 – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh	1 bảo vệ	3	3	Người	Kiểm soát ra vào toàn bộ phòng khám số 2, bảo vệ tài sản, hướng dẫn và đón tiếp bệnh nhân.	Chốt cố định
	Tổng I + II			30	Người		

3. Yêu cầu với nhân viên bảo vệ:

Theo quy định tại Điều 32 Nghị định 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, nhân viên dịch vụ bảo vệ cần đáp ứng một số tiêu chuẩn sau:

- Không phải là người ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không có tiền án về các tội giết người, cố ý gây thương tích, các tội xâm phạm sở hữu;
- Có lý lịch rõ ràng được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xác nhận;
- Có giấy khám sức khỏe của trung tâm y tế, bệnh viện từ cấp huyện trở lên xác nhận có đủ sức khỏe để lao động: Sức khỏe tốt, không mắc các bệnh truyền nhiễm: Giấy khám sức khỏe, có xét nghiệm HIV và các bệnh lây nhiễm định kỳ 6 tháng/lần.
- Có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên;
- Có chứng chỉ Nghiệp vụ Bảo vệ chuyên nghiệp do Bộ Công An cấp, sử dụng thành thạo phương tiện phòng cháy chữa cháy và được tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy.
- Có trình độ võ thuật theo quy định.
- Hiểu biết về an toàn lao động.
- Thành thạo công tác cứu nạn, cứu hộ theo quy định.
- Nhân viên bảo vệ nắm vững nội quy, quy định, quy trình của Bệnh viện Sản Nhi và được tập huấn các lớp hướng dẫn về nội quy, quy định, quy trình của bệnh viện.
- Có kỹ năng giao tiếp tốt, thái độ niềm nở, liêm chính, đạo đức và chuyên nghiệp và được tập huấn định kỳ 3 tháng 1 lần lớp kỹ năng giao tiếp ứng xử.

- Nắm vững nghiệp vụ canh gác, bảo vệ, các biện pháp nghiệp vụ bảo vệ: Biện pháp hành chính, biện pháp quân chủng, biện pháp canh gác, biết lập biên bản vụ việc, lập báo cáo, tuần, tháng theo quy định.

- Sử dụng thành thạo phương tiện thông tin liên lạc, công cụ hỗ trợ (bộ đàm, dùi cui, còi, gậy gỗ hoặc cao su, áo mưa chuyên dụng)

4. Yêu cầu về công việc, nhiệm vụ của nhân viên bảo vệ

- Tuân thủ pháp luật Nhà nước Việt Nam

- Đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, hướng dẫn bệnh nhân và khách đến làm việc thực hiện nội quy, quy định của toàn bộ khu vực được giao.

- Canh gác, kiểm soát hợp lý tại các vị trí đã được thông qua.

- Kiểm tra hàng hoá, phương tiện và kiểm soát người ra vào.

- Duy trì an ninh trật tự trong khu vực bảo vệ.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn nguy cơ mất an toàn điện, cháy nổ, mất cắp, mất trộm tài sản của bệnh viện, tài sản của bệnh nhân, cán bộ nhân viên y tế.

- Tham gia công tác kiểm kê, giao nhận hàng hoá tại mục tiêu bảo vệ (nếu có).

- Giao ban hàng tuần, báo cáo bằng văn bản ghi rõ tình hình an ninh trật tự tại vị trí bảo vệ.

- Hướng dẫn cho khách và cán bộ nhân viên bệnh viện giúp điều phối phương tiện đi lại thuận tiện, xe dừng đỗ đúng nơi quy định, tránh ùn tắc.

- Phối hợp cùng nhân viên dọn vệ sinh của dịch vụ vệ sinh bệnh viện trong công tác đảm bảo vệ sinh bệnh viện luôn xanh sạch đẹp.

- Nhân viên bảo vệ nghiêm cấm vi phạm các quy định sau:

+ Bỏ vị trí gác trong khi làm nhiệm vụ.

+ Tự tập nói chuyện, cho người không có nhiệm vụ vào chốt bảo vệ và vào khu vực được giao bảo vệ.

+ Ăn nói và có hành vi không lịch sự đối với bệnh nhân, người nhà bệnh, khách đến làm việc và cán bộ nhân viên y tế của bệnh viện.

+ Không được gây trở ngại, phiền hà đối với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, khách đến làm việc, cán bộ nhân viên y tế của bệnh viện.

+ Hành vi không nghiêm túc, lười biếng khi làm nhiệm vụ bảo vệ và được giao.

+ Ngủ, hút thuốc, đánh bài và sử dụng các chất kích thích trong giờ làm việc.

+ Tự ý vào khu vực không được phép vào theo quy định của bệnh viện.

+ Tự ý cho người bán hàng, ship hàng vào khu vực được giao bảo vệ gây phiền phức và làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự cho các phòng bệnh, phòng nhân viên y tế.

II. Dịch vụ vệ sinh bệnh viện cho Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh

Nội dung yêu cầu:

STT	Danh mục dịch vụ	ĐVT	Khối lượng/tháng	Khối lượng thực hiện 12 tháng
1	Vệ sinh khu vực 1: Phòng khám, cấp cứu, xét nghiệm, phòng mổ, phòng chiếu chụp, phòng trưởng khoa, bác sĩ, y tá, điều dưỡng, nhân viên, phòng họp giao ban, trực, hành chính, buồng bệnh, nhà vệ sinh, phòng tắm .	m ²	10.671	128.052
2	Vệ sinh khu vực 2: Sảnh chờ, hành lang công cộng, cầu thang bộ, thang máy, cầu nối giữa các tòa nhà	m ²	6.917	83.004
3	Vệ sinh khu vực 3: Ngoại cảnh (bao gồm sân và đường)	m ²	10.000	120.000
	Cộng		27.588	331.056

Chi tiết công việc

1. Các vị trí làm sạch

- Khu nhà A: Khu nhà điều hành (Sảnh A, hành lang, nhà vệ sinh tầng 1,2,3,4, hội trường 1, 2).

- Khu nhà B, C, D, I, F, G

- Nhà E: Ngân hàng sữa mẹ, Đơn nguyên dinh dưỡng

- Nhà V: Khu nhà công vụ (tầng 1, 2, 3, phòng chuyên gia và hành lang tầng 4)

- Cầu nối giữa các tòa nhà

- Phòng khám số 2

- Khu vực ngoại cảnh

2. Thời gian làm sạch

- Nhà thầu sẽ cung cấp nhân viên làm việc hàng ngày tại Bệnh viện (kể cả đi ca, trực ngày lễ, ngày tết, chủ nhật....)

- Nhân viên của bên B làm việc 8 giờ/ngày/người

- Làm ca tại các khoa Gây mê hồi tỉnh; Hồi sức cấp cứu, Sản đẻ:

+ Ca 1: từ 06h00 đến 14h00.

+ Ca 2: từ 14h00 đến 22h00

+ Ca 3: từ 22h00 đến 06h00

- Làm hành chính tại các vị trí còn lại: + Buổi sáng từ 6h00 đến 11h00

+ Buổi chiều từ 13h00 đến 16h00

2.3. Yêu cầu về nhân sự

- Bố trí ít nhất 38 nhân viên/ ngày làm việc tại các vị trí như sau:

STT	Vị trí	Đơn vị tính	Số lượng người làm việc	Ghi chú
1	Sảnh A, nhà điều hành	Người	02	Làm hành chính
2	Tòa nhà B (B2,B4)	Người	02	
3	Tòa nhà C (6 tầng)	Người	06	
4	Tòa nhà D (trừ D3)	Người	06	

STT	Vị trí	Đơn vị tính	Số lượng người làm việc	Ghi chú
5	Tòa nhà F (Khoa Các bệnh nhiệt đới)	Người	01	
6	Tòa nhà I (06 tầng)	Người	02	
7	Tòa nhà V (3 tầng, phòng chuyên gia)	Người	01	
8	Tầng 4 nhà B, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Người	01	
8	Khoa Khám bệnh – Cấp cứu (B1)	Người	03	Làm ca
9	Khoa Sản đẻ (D3)	Người	03	
10	Khoa Hồi sức cấp cứu (B3)	Người	03	
11	Khoa Gây mê hồi tỉnh	Người	03	Làm hành chính
12	Phòng khám số 2	Người	03	
13	Khu vực ngoại cảnh	Người	01	
14	Vị trí làm cao (cửa sổ, cửa chớp, cửa ra vào, trần nhà,...)	Người	01	
Tổng cộng			38	

Yêu cầu đối với nhân sự:

- + Độ tuổi: < 57 tuổi đối với nữ, < 59 tuổi đối với nam;
- + 100% nhân sự đề xuất trong HSDT đã được đào tạo về vệ sinh bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện (theo chương trình của Bộ Y tế) tại các trường cao đẳng hoặc đại học y, các cơ sở y tế được cấp mã đào tạo về thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn.
- + 100% nhân sự đề xuất trong HSDT đã được đào tạo về giao tiếp ứng xử trong môi trường y tế.
- + Có lý lịch rõ ràng (xác nhận của cơ quan chức năng); Có sức khỏe tốt (có xác nhận của cơ sở y tế).

4. Chi tiết công việc theo ngày, tuần, tháng

STT	Khu vực thực hiện	Thời gian triển khai			Đáp ứng yêu cầu
		Hàng ngày	Hàng tuần	Định kỳ	
Khu vực sàn sảnh chờ và hành lang công cộng					
1	- Làm sạch hành lang công cộng	4 lần/ngày			Làm sạch trước 7h30 sáng hàng ngày, duy trì khu vực luôn sạch trong ngày
	- Làm sạch cửa kính, khung nhôm kính, làm sạch cửa có ban công		2 lần/tuần		
	- Quét màng nhện trần, tường, làm sạch đèn, quạt.			2 lần/tháng	Đảm bảo luôn sạch, không

STT	Khu vực thực hiện	Thời gian triển khai			Đáp ứng yêu cầu
		Hàng ngày	Hàng tuần	Định kỳ	
	- Làm sạch phía ngoài hộp đựng bình chữa cháy.		2 lần/tuần		có mạng nhện, bụi bẩn.
	- Làm sạch biển báo, biển chỉ dẫn khu vực công cộng phía trong tòa nhà (cao dưới 4m)	1 lần/ngày			
	- Thu gom rác thải về nơi quy định của bệnh viện	2 lần/ngày (sáng, chiều) và khi phát sinh			
	- Đánh sàn định kỳ			2 lần/tháng	
Khu vực phòng trưởng khoa, phòng bác sỹ, y tá, phòng họp giao ban					
2	- Làm sạch sàn nhà	2 ngày/lần			Làm sạch trước 7h30 sáng hàng ngày, duy trì khu vực luôn sạch trong ngày
	- Làm sạch ngoài tủ đựng tài liệu		1 tuần/lần		
	- Làm sạch , tẩy trần, tường, đèn, quạt			1 lần/tháng	
	- Làm sạch bàn ghế làm việc, trang thiết bị (trừ các thiết bị chuyên dụng)	1 ngày/lần			
	- Quét mạng nhện trần, tường, đèn		1 tuần/lần		
	- Làm sạch vách kính, cửa kính		1 tuần/lần		
Khu vực buồng bệnh					
3	- Làm sạch sàn	Ít nhất 2 lần/ngày và ngay khi phát sinh			Đảm bảo các vị trí trên luôn sạch, không có bụi bẩn. Rác thải được thu gom trước 7h00 hàng ngày
	- Làm sạch nhà vệ sinh (nếu có)	Ít nhất 4 lần/ngày và khi phát sinh			
	- Quét mạng nhện trần, tường, làm sạch đèn và quạt.		1 lần/tuần		
	- Làm sạch, tẩy mốc tường, trần				
	- Làm sạch mặt ngoài tủ đựng đồ của bệnh nhân	1 lần/ngày			
	- Làm sạch, tẩy các vết bẩn bám		1 lần/		

STT	Khu vực thực hiện	Thời gian triển khai			Đáp ứng yêu cầu
		Hàng ngày	Hàng tuần	Định kỳ	
	trên tường ốp gạch đá men.		tuần		
	- Làm sạch cửa sổ, cửa ra vào	1 lần/ngày			
	- Làm sạch giường bệnh.	1 lần/ngày và ngay sau khi bệnh nhân ra viện			
	- Thu gom rác thải về nơi quy định của bệnh viện	Ít nhất 2 lần/ ngày và khi cần			
Khu vực cầu thang bộ, thang máy					
4	- Làm sạch toàn bộ mặt bậc	2 lần/ ngày và khi cần			Duy trì các vị trí trong ngày luôn sạch, không có vết ố, bụi bẩn.
	- Làm sạch buồng thang máy	1 lần/ ngày và khi cần			
	- Làm sạch tay vịn Inox	1 lần/ ngày			
	- Quét màng nhện trần, đèn găm cầu thang, tường			02 lần/ tháng	
	- Làm sạch đèn, quạt		1 lần/ tuần		
	- Làm sạch kính				
Khu vực cầu nối giữa các tòa nhà					
5	- Làm sạch, tẩy mốc sàn, tường	2 lần/ ngày (Sáng, chiều)			Trực, duy trì khu vực luôn sạch
	- Quét màng nhện trần, tường trên cao, làm cửa kính, khung nhôm kính			02 lần/ tháng	
Khu vực Toilet và phòng tắm					
6	- Sàn, tường, trần, đèn, bàn cầu, bồn tiểu, lavabo	Ít nhất 2 lần/ngày (Sáng, chiều)			Đảm bảo các vị trí luôn sạch, nhà vệ sinh không đọng nước, không có mùi hôi, rác thải được thu gom đúng quy định
	- Làm sạch, khử mùi	Ít nhất 4 lần/ ngày và khi cần			
	- Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp		2 lần/ tuần		
	- Thu gom rác thải	Ít nhất 2 lần/ ngày và khi phát sinh			
Khu vực thu gom rác					
	Sàn, tường, trần khu vực lưu trữ chất thải	Ít nhất 1 ngày/ lần			Sàn khu vực lưu giữ chất thải
7	- Tất cả các rác thải được thu gọn và	Ít nhất 2			sạch,

STT	Khu vực thực hiện	Thời gian triển khai			Đáp ứng yêu cầu
		Hàng ngày	Hàng tuần	Định kỳ	
	phân loại rác về nơi quy định của bệnh viện	lần/ ngày và khi cần			không có rác, tường trần không có màng nhện, thùng đựng rác sạch, khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt gọn gàng, được vệ sinh sạch sẽ.
	- Làm sạch các thùng đựng rác (định kỳ)	Ít nhất 2 lần/ ngày và khi cần			
	- Thu gọn các trang thiết bị làm sạch sau khi hoàn thành công việc	Ít nhất 2 lần/ ngày và khi cần			
	- Kiểm tra lại toàn bộ vị trí làm sạch	Ít nhất 2 lần/ ngày và khi cần			

Yêu cầu đáp ứng về đầu ra

Danh mục dịch vụ	Yêu cầu về đầu ra
1. Lối vào và hành lang	
1.1. Bề mặt cửa/Khung cửa/Tay co thủy lực	- Không có bụi và vết bẩn
1.2. Sàn	- Sàn nhẵn không có bụi và vết bẩn - Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn.
1.3. Tường/Vách ngăn	- Không có bụi và vết bẩn - Khung cửa vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn
1.4. Phào chân tường	Sạch, không có bụi rác
1.5. Kính/Cửa sổ	Sáng, không được phép có vết bẩn
1.6. Công tắc/Bảng chỉ dẫn	Không có bụi và vết bẩn
1.7. Cuộn dây vòi cứu hỏa/Bình cứu hỏa	Không có vết bẩn
2. Cầu thang	
2.1. Bề mặt cửa/Khung cửa/Tay co thủy lực	- Không có bụi và vết bẩn.
2.2. Sàn	- Sàn nhẵn không có bụi và vết bẩn - Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn
2.3. Tường	- Không có bụi và vết bẩn - Khung cửa vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn.
2.4. Bậc thang	Không có bụi, vết bẩn và mảnh vụn
2.5. Tay vịn	Không có bụi và vết bẩn
2.6. Công tắc/Bảng chỉ dẫn	Không có bụi và vết bẩn
3. Nhà vệ sinh	
3.1. Bề mặt cửa/Khung cửa/Tay co thủy lực	- Không có bụi và vết bẩn.
3.2. Sàn (bao gồm cả nắp thoát nước)	- Không có bụi, bùn đất và vết bẩn
3.3. Vách ngăn/Tường	- Không có bụi và vết bẩn - Khung cửa vách ngăn dựng lên không có bụi và vết

Danh mục dịch vụ	Yêu cầu về đầu ra
	bản
3.4. Bảng kính/Cửa sổ	- Không có bụi và vết bẩn
3.5. Gương	- Không có bụi và vết bẩn
3.6. Công tắc/Ổ điện/Bảng chỉ dẫn	Không có bụi và vết bẩn
3.7. Chậu rửa tay/ Bàn chậu	- Không có bụi và vết bẩn - Vòi nước không có vết bẩn - Không có tóc và rác trên lưới lọc trong lỗ thoát nước - Nếu ống thoát nước bao gồm trong chương trình hàng ngày, ống thoát nước không có bụi và vết bẩn
3.8. Bồn cầu	- Lòng bồn cầu không có vết bẩn - Không có mùi hôi - Không xuất hiện cặn đá vôi - Bên ngoài bồn cầu không có bụi và vết bẩn
3.9. Nắp bồn cầu	- Cả mặt trên và mặt dưới nắp bồn cầu không có bụi và vết bẩn
3.10. Thiết bị xả nước	- Cản gạt của thiết bị xả nước, bể nước gắn thấp và ống thoát nước của bồn cầu hoặc tiểu nam không có bụi và vết bẩn - Các phần còn lại của hệ thống (như bể nước gắn cao) phải sạch sẽ.
3.11. Thùng rác	- Không có mùi - Lượng rác có ít hơn 3/4 dung tích thùng - Không có vết bẩn ngoài thùng
4. Thang máy	
4.1. Sàn/Tường/Cửa	- Sàn không có bụi - Các vách bên trong thùng thang và bảng điều khiển không có bụi và vết bẩn
4.2. Gương	- Không có vết bẩn
4.3. Góc thang và đèn	Không có bụi
4.4. Ray trượt cửa thang máy	Không có các mảnh vụn
6. Văn phòng	
6.1. Bề mặt cửa/Khung cửa/Tay co thủy lực	- Không có bụi và vết bẩn.
6.2. Sàn	- Sàn nhẵn không có bụi và vết bẩn - Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn
6.3. Tường/Vách ngăn	- Không có bụi và vết bẩn - Khung cửa vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn
6.4. Phào chân tường	Sạch, không có bụi và rác
6.5. Kính/Cửa sổ	Sáng, sạch, không có bụi và vết bẩn
6.6. Đồ đạc/Nội thất	Không có bụi và vết bẩn
6.7. Công tắc/Bảng chỉ dẫn	Không có bụi và vết bẩn
6.8. Cuộn dây vòi cứu hỏa/Bình cứu hỏa	Không có bụi, vết bẩn
6.9. Thùng đựng rác	- Không có mùi - Lượng rác có ít hơn 3/4 dung tích thùng - Không có vết bẩn ngoài thùng
7. Trần nhà	
7.1. Thiết bị chiếu sáng	- Không có dấu vân tay - Không có bụi



Danh mục dịch vụ	Yêu cầu về đầu ra
	- Không có vết bẩn.
7.2. Tấm trần/quạt trần	- Không có bụi - Không có vết bẩn
9. Mặt tiền bên ngoài	
9.1. Tường	Không có chất bẩn không làm sạch được
9.2. Bề mặt kính	- Không có dấu vân tay - Không có hơi nước - Không có chất bẩn không làm sạch được
10. Mái nhà	
10.1. Lối thoát nước mưa	- Không có cát - Không có rác - Không có mảnh vụn
10.2. Rãnh nước	- Không có cát - Không có rác - Không có mảnh vụn
11. Lê đường, đường lái xe, bãi đậu xe và vỉa hè đi bộ	- Không có cát - Không có rác - Không có vết bẩn - Khô ráo
12. Khu vực cảnh quan	- Không có rác - Không có lá và cành khô
13. Thoát nước	- Không có cát - Không có đất - Không có rác
12. Lan can	- Không có bụi - Không có vết bẩn
13. Khu vực tập kết rác/ Ống đổ rác	- Không có rác và mảnh vụn rơi vãi - Không có vết bẩn trên tường - Không có mùi hôi
14. Thùng rác	- Không có mùi - Lượng rác có ít hơn 3/4 dung tích thùng - Không có vết bẩn ngoài thùng

III. Dịch vụ thu gom, xử lý chất thải y tế cho Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh

Danh mục và khối lượng chất thải y tế đề xuất thu gom, xử lý

TT	Danh mục	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng
1	Chất thải lây nhiễm dạng rắn	13 01 01	Kg	61.200
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Kg	100
3	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có dấu hiệu cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	Kg	50
4	Các thiết bị y tế vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng	13 03 02	Kg	50
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	40
6	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Kg	30
7	Pin, ắc quy thải bỏ	16 01 12	Kg	20
8	Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ, chứa các hoá chất độc hại) thải bỏ	18 01 01	Kg	20
9	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 04	Kg	500
10	Que hàn đã qua sử dụng	07 04 01	Kg	50

